Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 24

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 37 ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên điều hành
Ông Vũ Đăng Linh	Thành viên điều hành
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành
Ông Robert Willett	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lý Trần Kim Ngân	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Đăng Linh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 10 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ngày 28 tháng 10 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Vũ Đăng Linh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**6.357.532.233.112**	**4.770.260.531.773**
I. Tiền	***110***	***4***	***6.322.561.005***	***221.396.470.928***
1. Tiền	111		6.322.561.005	221.396.470.928
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***		***6.346.906.756.478***	***4.502.018.635.075***
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	6.346.906.756.478	4.502.018.635.075
III. Khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***90.008.500***	***42.796.625.000***
1. Phải thu ngắn hạn khác	135	6	90.008.500	42.796.625.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	***160***		***4.212.907.129***	***4.048.800.770***
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		12.500.002	5.246.246
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	7	4.200.407.127	4.043.554.524
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**23.538.663.754.957**	**22.856.674.802.252**
I. Đầu tư tài chính dài hạn	***260***		***23.538.663.754.957***	***22.856.674.802.252***
1. Đầu tư vào các công ty con	261	8	22.574.760.411.707	22.541.759.311.707
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	8	(551.253.156.750)	(700.241.009.455)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	5	1.515.156.500.000	1.015.156.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**29.896.195.988.069**	**27.626.935.334.025**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.467.242.545.636**	**948.121.597.140**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***1.467.242.545.636***	***948.121.597.140***
1. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	9	1.461.147.607.300	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	10	548.084.432	222.222
3. Phải trả người lao động	315		3.371.295.769	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	11	1.027.038.336	14.175.951.173
5. Phải trả ngắn hạn khác	320		1.148.519.799	22.195.423.745
6. Vay ngắn hạn	321	12	-	911.750.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**28.428.953.442.433**	**26.678.813.736.885**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	13.1, 13.2	14.770.352.940.000	14.696.931.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*14.770.352.940.000*	*14.696.931.770.000*
2. Thặng dư vốn	412		(189.084.925.846)	(189.084.925.846)
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(13.412.080.000)	(12.364.140.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.861.097.508.279	12.183.331.032.731
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*9.246.417.506.731*	*3.330.427.119.057*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*420b*		*4.614.680.001.548*	*8.852.903.913.674*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**29.896.195.988.069**	**27.626.935.334.025**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thu Thủy	Lý Trần Kim Ngân	Vũ Đăng Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động tài chính	**22**	**14**	**4.471.608.655.503**	**2.148.056.835.267**	**4.684.154.067.114**	**4.406.129.695.794**
2. Chi phí tài chính	**23**	**15**	**14.253.006.073**	**102.326.362.387**	**52.514.525.959**	**898.711.498.871**
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*8.721.116.610*	*80.446.205.249*	*27.187.159.942*	*282.367.812.098*
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**		**8.375.245.421**	**1.275.041.546**	**20.474.937.731**	**3.950.140.594**
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 22 - (23 + 26)}	**30**		**4.448.980.404.009**	**2.044.455.431.334**	**4.611.164.603.424**	**3.503.468.056.329**
5. Thu nhập khác	**31**		**3.515.280.928**	**-**	**3.515.482.070**	**-**
6. Chi phí khác	**32**		**75.679**	**-**	**83.946**	**452.817**
7. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**3.515.205.249**	**-**	**3.515.398.124**	**(452.817)**
8. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**4.452.495.609.258**	**2.044.455.431.334**	**4.614.680.001.548**	**3.503.467.603.512**
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**16.1**	**-**	**-**	**-**	**-**
10. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	**60**		**4.452.495.609.258**	**2.044.455.431.334**	**4.614.680.001.548**	**3.503.467.603.512**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thu Thủy	Lý Trần Kim Ngân	Vũ Đăng Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025*
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**4.614.680.001.548**	**3.503.467.603.512**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Các khoản dự phòng	03	15	9.961.047.295	552.728.187.112
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	48.349.680.191
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(4.684.154.067.114)	(4.406.129.695.794)
- Chi phí đi vay	06	15	27.187.159.942	282.367.812.098
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(32.325.858.329)**	**(19.216.412.881)**
- Giảm các khoản phải thu	09		59.732.353.862	(29.923.608.053)
- Giảm/(Tăng) các khoản phải trả	11		(20.867.818.746)	1.415.497.911.661
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(7.253.756)	14.269.269.612
- Chi phí đi vay đã trả	14		(36.596.000.000)	(297.074.605.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(30.064.576.969)**	**1.083.552.554.808**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.422.750.856.550)	(5.319.566.402.977)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.102.951.364.106	6.210.610.792.513
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(195.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.050.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.641.882.848.190	4.315.719.232.355
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**2.130.133.355.746**	**5.206.763.621.891**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	13.1	73.421.170.000	174.490.000.000
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	13.1	(1.047.940.000)	(4.764.460.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	911.750.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(911.750.000.000)	(5.901.250.000.000)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	13.2	(1.475.765.918.700)	(1.478.456.763.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(2.315.142.688.700)**	**(6.298.231.223.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(215.073.909.923)**	**(7.915.046.301)**
Tiền đầu kỳ	**60**		**221.396.470.928**	**10.166.536.777**
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**4**	**6.322.561.005**	**2.251.490.476**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thu Thủy	Lý Trần Kim Ngân	Vũ Đăng Linh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 37 ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 là 16 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 0)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2026, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 8):

Tên công ty	*Trụ sở*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)*	
			Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Công ty con				
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	94,99	94,99
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (***)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	85,96	98,95
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh *(*)*	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín *(*)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	99,99
Công ty Cổ phần 4K Farm *(**)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nông nghiệp	-	99,99

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, các Công ty con này đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể.

(**) Tại ngày 19 tháng 1 năm 2026, công ty con đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo giải thể số 60760/26 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 27 tháng 2 năm 2026 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 17 tháng 3 năm 2026, cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Theo đó, vào ngày 3 tháng 7 năm 2026, công ty con đã hoàn tất phát hành 166.438.500 cổ phiếu và đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 7 năm 2026, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của công ty con từ 11.012.835.000.000 VND lên 12.677.220.000.000 VND. Công ty không tham gia mua cổ phiếu trong đợt chào bán này, do đó tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con giảm từ 98,95% xuống 85,96%. Công ty vẫn duy trì quyền kiểm soát đối với công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 27 tháng 10 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"):

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 99

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngoài ra, Công ty áp dụng một số thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,..được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty phát sinh thì Công ty được lựa chọn một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu mua lại của chính mình) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo phê duyệt của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.11 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.14 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Tiền gửi không kỳ hạn	6.322.561.005	221.396.470.928

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
	Giá gốc và giá trị có thể thu hồi	*Giá gốc và giá trị có thể thu hồi*
Ngắn hạn	**6.346.906.756.478**	**4.502.018.635.075**
Tiền gửi có kỳ hạn	1.235.746.950.521	1.443.427.639.726
- *Kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng*	*695.105.210.795*	*1.036.753.667.123*
- *Kỳ hạn còn lại từ 6 đến 12 tháng*	*540.641.739.726*	*406.673.972.603*
Trái phiếu	3.288.923.808.982	1.564.014.285.760
- *Ngân hàng*	*506.815.472.064*	*158.512.238.070*
- *Xây dựng*	*523.037.917.795*	-
- *Các công ty đa ngành*	*1.038.542.098.661*	*328.375.749.518*
- *Chứng khoán*	*1.193.805.829.508*	*1.060.716.794.681*
- *Khác*	*26.722.490.954*	*16.409.503.491*
Cho vay	967.437.539.723	1.161.059.298.630
- *Tiền gửi cho vay công ty chứng khoán*	*967.437.539.723*	*1.161.059.298.630*
Khác (*)	854.798.457.252	333.517.410.959
Dài hạn	**1.515.156.500.000**	**1.015.156.500.000**
Trái phiếu	1.515.156.500.000	1.015.156.500.000
- *Du lịch*	*500.000.000.000*	*500.000.000.000*
- *Bất động sản*	*800.000.000.000*	*300.000.000.000*
- *Ngân hàng*	*215.156.500.000*	*215.156.500.000*
TỔNG CỘNG	**7.862.063.256.478**	**5.517.175.135.075**

(*) Đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi dưới dạng hợp đồng đầu tư INFY bằng VND và khoản ủy thác đầu tư với bên khác có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm, hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Tạm ứng bảo hiểm		42.796.625.000
Khác	90.008.500	-
TỔNG CỘNG	**90.008.500**	**42.796.625.000**

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.043.554.524	4.043.554.524
Thuế giá trị gia tăng	156.852.603	-
TỔNG CỘNG	**4.200.407.127**	**4.043.554.524**

8. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

VND

Tên công ty	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*		
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	14.049.800.000.000	14.049.800.000.000	-	14.049.800.000.000	14.049.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (v)	4.426.023.111.000	4.426.023.111.000	-	4.426.023.111.000	4.426.023.111.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm (i)	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	-	2.105.000.000.000	2.105.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh (iii)	860.937.300.707	309.684.143.957	(551.253.156.750)	860.937.300.707	309.684.143.957	(551.253.156.750)
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	538.000.000.000	538.000.000.000	-	538.000.000.000	538.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000	-	400.000.000.000	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần 4K Farm (iv)	-	-	-	161.998.900.000	13.011.047.295	(148.987.852.705)
TỔNG CỘNG	**22.574.760.411.707**	**22.023.507.254.957**	**(551.253.156.750)**	**22.541.759.311.707**	**21.841.518.302.252**	**(700.241.009.455)**

8. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

(i) Tại ngày 9 tháng 1 năm 2026, Công ty đã thực hiện góp vốn thêm Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm với số vốn thực góp là VND 95.000.000.000 theo Nghị quyết số 11/NQ/HĐQT-2025.

(ii) Tại ngày 9 tháng 1 năm 2026, Công ty đã thực hiện góp vốn thêm Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi với số vốn thực góp là VND 100.000.000.000 theo Nghị quyết số 11/NQ/HĐQT-2025.

(iii) Tại ngày lập báo cáo này, Công ty con này đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể.

(iv) Tại ngày 19 tháng 1 năm 2026, công ty con đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo giải thể số 60760/26 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

(v) Trong kỳ, công ty con đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng như trình bày tại Thuyết minh số 1. Do Công ty không tham gia mua cổ phiếu trong đợt chào bán, giá gốc khoản đầu tư của Công ty vào công ty con không thay đổi, trong khi tỷ lệ sở hữu giảm từ 98,95% xuống 85,96%.

9. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

VND

Lợi nhuận thuộc năm tài chính	*Thời hạn chi trả*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
2025	Quý 4 năm 2026	1.461.147.607.300	-
Trong đó:			
Trong thời hạn chi trả		1.461.147.607.300	

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.046.133.100	(15.498.438.460)	547.694.640
Thuế khác	222.222	132.114.792	(131.947.222)	389.792
TỔNG CỘNG	**222.222**	**16.178.247.892**	**(15.630.385.682)**	**548.084.432**

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Chi phí lãi vay	-	9.408.840.058
Chi phí đảm bảo tỷ giá	-	4.651.111.111
Khác	1.027.038.336	116.000.004
TỔNG CỘNG	**1.027.038.336**	**14.175.951.173**

12. VAY NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Thu từ đi vay*	*Trả nợ vay*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*
Vay ngân hàng	911.750.000.000	-	(911.750.000.000)	-

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu mua lại của chính mình*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	14.622.441.770.000	522.021.325.200	(7.599.680.000)	4.808.883.882.057	19.945.747.297.257
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	174.490.000.000	-	-	-	174.490.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.503.467.603.512	3.503.467.603.512
Cổ phiếu mua lại của chính mình	-	-	(4.764.460.000)	-	(4.764.460.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.478.456.763.000)	(1.478.456.763.000)
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	14.796.931.770.000	522.021.325.200	(12.364.140.000)	6.833.894.722.569	22.140.483.677.769
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026					
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	14.696.931.770.000	(189.084.925.846)	(12.364.140.000)	12.183.331.032.731	26.678.813.736.885
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	73.421.170.000	-	-	-	73.421.170.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	4.614.680.001.548	4.614.680.001.548
Cổ phiếu mua lại của chính mình *(i)*	-	-	(1.047.940.000)	-	(1.047.940.000)
Cổ tức công bố *(ii)*	-	-	-	(2.936.913.526.000)	(2.936.913.526.000)
Ngày 30 tháng 9 năm 2026	14.770.352.940.000	(189.084.925.846)	(13.412.080.000)	13.861.097.508.279	28.428.953.442.433

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Vào ngày 23 tháng 1 năm 2026, Công ty đã mua lại 33.234 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của những nhân viên đã nghỉ việc theo quy chế phát hành ESOP, với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị mua là 332.340.000 VND.
Vào ngày 14 tháng 8 năm 2026, Công ty đã mua lại 71.560 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của những nhân viên đã nghỉ việc theo quy chế phát hành ESOP, với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị mua là 715.600.000 VND.

(ii) Theo phê duyệt của Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2026 ngày 18 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu phổ thông.

(iii) Vào ngày 18 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2026 về kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho quản lý chủ chốt của Công ty dựa vào kết quả kinh doanh năm 2025.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 05/NQ/HĐQT-2026 về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ESOP 2025. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành 7.342.117 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty.

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 6561/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, theo Báo cáo số 36/2026/MWG của Công ty, và yêu cầu Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết cổ phiếu bổ sung theo quy định.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2026, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 37 được cấp bởi Sở Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh phê duyệt tăng vốn cổ phần của Công ty từ 14.696.931.770.000 VND lên 14.770.352.940.000 VND.

13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	14.696.931.770.000	14.622.441.770.000
Phát hành cổ phiếu	73.421.170.000	174.490.000.000
Số cuối kỳ	14.770.352.940.000	14.796.931.770.000
Cổ tức công bố		
Cổ tức tiền đã công bố	2.936.913.526.000	1.478.456.763.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	1.475.765.918.700	1.478.456.763.000

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	1.477.035.294	1.469.693.177
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.477.035.294	1.469.693.177
Cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	(1.341.208)	(1.236.414)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.475.694.086	1.468.456.763

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*
Lãi thu từ trái phiếu	172.517.682.711	196.946.582.986
Lãi tiền cho vay	98.662.238.562	100.847.561.656
Lãi tiền gửi	49.843.916.650	110.551.669.072
Thu nhập từ thu hồi khoản đầu tư	4.027.829.191	-
Thu nhập từ cổ tức	4.359.102.400.000	3.997.783.882.080
TỔNG CỘNG	**4.684.154.067.114**	**4.406.129.695.794**

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*
Chi phí lãi vay	27.187.159.942	282.367.812.098
Dự phòng đầu tư	9.961.047.295	552.728.187.112
Chi phí thu xếp khoản vay	13.548.888.889	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	48.349.680.191
Chi phí ủy thác	1.347.945.192	-
Khác	469.484.641	15.265.819.470
TỔNG CỘNG	**52.514.525.959**	**898.711.498.871**

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**4.614.680.001.548**	**3.503.467.603.512**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	922.936.000.310	700.693.520.702
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(51.115.520.310)	-
Thu nhập từ cổ tức	(871.820.480.000)	(799.556.776.416)
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	98.863.255.714
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

16.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanl	Công ty con
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Thương mại Thiện Tâm	Công ty con gián tiếp
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Zynstra tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Purple Wifi tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2026*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Công ty con	Góp vốn	100.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thiện Tâm	Công ty con	Góp vốn	95.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con	Thu hồi đầu tư góp vốn	4.018.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Công ty con	Thu nhập từ cổ tức	4.359.102.400.000	3.997.783.882.080
		Tạm ứng cổ tức	-	1.743.000.000.000
Ông Robert Willett	Thành viên HĐQT	Chi phí tư vấn	1.874.650.834	1.848.918.553

17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Ngày 30 tháng 9 năm 2026	*Ngày 30 tháng 9 năm 2025*
Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	1.987.500.000	-
Bà Lý Trần Kim Ngân	Kế toán trưởng	1.237.483.000	-
Ông Thomas Lanyi *(*)*	Thành viên HĐQT	375.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên HĐQT	375.000.000	-
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT	375.000.000	-
TỔNG CỘNG		**4.349.983.000**	**-**

(*) Tài trợ đào tạo chuyên môn (Khóa quản trị doanh nghiệp và đào tạo thành viên Hội đồng quản trị).

18. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (Thuyết minh số 3.1.1) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	3.246.286.886.357	1.255.731.748.718	4.502.018.635.075
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.148.000.000.000	(1.148.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	150.528.373.718	(107.731.748.718)	42.796.625.000

19. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thu Thủy	Lý Trần Kim Ngân	Vũ Đăng Linh